

Số: 30/2024/QĐST-DS

Cầu Giấy, ngày 17 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 44/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện, nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành giữa các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Hoàng L; Chức vụ: Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý; ông Phạm Tuấn A; Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý và ông Đỗ Thành T; Chức vụ: Phó Giám đốc trung tâm thu hồi nợ khách hàng doanh nghiệp và xử lý nợ pháp lý (Văn bản uỷ quyền số 38a/2024/UQN-CTQT ngày 01/6/2024);

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn H, ông Nguyễn Thành D1; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Văn bản uỷ quyền số 6530/2024/UQ-LCC-KHCN MB1 ngày 04/9/2024);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty cổ phần M1; Địa chỉ trụ sở: Tầng D, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Anh T1 – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Huy M – Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ và ông Võ Ngọc D2 - Trưởng phòng xử lý nợ miền N. (Theo Văn bản ủy quyền số 01/2024/UQ-TGD ngày 28/6/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Phúc T2 và ông Lê Trung A1 (Theo văn bản ủy quyền số 2509/2024/UQ-JUPITER.VPB ngày 02/7/2024);

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989;

2. Bà Nguyễn Thị Kiều T3, sinh năm 1992;

Cùng địa chỉ: Căn hộ A, chung cư T, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Bà Nguyễn Thị Kiều T3 uỷ quyền cho ông Nguyễn Văn N theo giấy uỷ quyền ngày 22/7/2024 tại Toà án;

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Mai Hải Đ, sinh năm 1975; Đăng ký HKTT: P V, phường P, quận L, TP .; Hiện cư trú: CH 602, Chung cư F H, phường V, quận B, Thành phố Hà Nội;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên đương sự thống nhất quan điểm về việc nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay số LN2203115352814 ngày 16/3/2022 và yêu cầu giải chấp 01 tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C300 và Hợp đồng thế tin dụng số 113-P-6436638 ngày 09/6/2022;

2.2. Xác nhận ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 theo các Hợp đồng cho vay số LN2207116195313 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2207116195313 ngày 15/7/2022; Hợp đồng cho vay số LN2211027301441 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2211027301441 ngày 04/11/2022; Hợp đồng cho vay số LN2207186255337 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2207186255337 ngày 22/7/2022; Hợp đồng cho vay số LN2112144890308 ngày 21/12/2021; Hợp đồng LD2133500989 ngày 01/12/2021 và Giấy đăng ký kiêm Hợp đồng cho vay không TSĐB, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ điện tử ngân hàng ngày 22/12/2021 số tiền tạm tính đến ngày 09/9/2024 Nợ gốc: 5.083.226.053 đồng; Nợ lãi trong hạn: 92.413.156 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.414.254.901 đồng; Lãi phạt chậm trả: 14.189.252 đồng. Tổng cộng: 6.604.083.362đ (*Bằng chữ: Sáu tỷ sáu trăm linh bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng*).

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 đính kèm ngày 30/6/2024 giữa Ngân hàng TMCP V với Công ty Cổ phần M1 thì Công ty Cổ phần M1 sở hữu **90%** và Ngân hàng TMCP V sở hữu **10%** thì số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng tính đến ngày 09/9/2024, cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LN2211027301441 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2211027301441 ký ngày 04/11/2022:

(Đơn vị tính: VNĐ)

LN2211027301441	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	80.925.000	728.325.000	809.250.000
Nợ lãi	24.392.785	219.535.067	243.927.852
Lãi chậm trả	247.138	2.224.240	2.471.378
Tổng	105.564.923	950.084.307	1.055.649.230

Hợp đồng cho vay số LN2207116195313 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2207116195313 ký ngày 15/07/2022:

(Đơn vị tính: VNĐ)

LN2207116195313	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	79.752.500	717.772.500	797.525.000
Nợ lãi	22.420.577	201.785.194	224.205.771
Lãi chậm trả	204.654	1.841.889	2.046.543
Tổng	102.377.731	921.399.583	1.023.777.314

Hợp đồng cho vay số LN2207186255337 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay số LN2207186255337 ngày 22/7/2022:

(Đơn vị tính: VNĐ)

LN2207186255337	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	293.500.000	2.641.500.000	2.935.000.000
Nợ lãi	82.868.077	745.812.694	828.680.771
Lãi chậm trả	759.838	6.838.537	7.598.375
Tổng	377.127.915	3.394.151.231	3.771.279.146

Hợp đồng cho vay số LN2112144890308 ký ngày 21/12/2021:

(Đơn vị tính: VNĐ)

LN2112144890308	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	40.829.000	367.461.000	408.290.000
Nợ lãi	12.734.985	114.614.861	127.349.846
Lãi chậm trả	79.817	718.353	798.170
Tổng	53.643.802	482.794.214	536.438.016

Hợp đồng cho vay số LD2133500989 ký ngày 01/12/2021:

(Đơn vị tính: VNĐ)

LD2133500989	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	6.638.047	59.742.422	66.380.469

Nợ lãi	4.354.314	39.188.819	43.543.133
Lãi chậm trả	120.176	1.081.589	1.201.765
Tổng	11.112.537	100.012.830	111.125.367

Hợp đồng cho vay số CL/VN10005/202111/LN2112224945419 ký ngày 24/11/2021:

(Đơn vị tính: VNĐ)

CL/VN10005/202111/ LN2112224945419	10% V	90% M1	Tổng
Nợ gốc	6.678.058	60.102.526	66.780.584
Nợ lãi	3.896.069	35.064.615	38.960.684
Lãi chậm trả	7.302	65.719	73.021
Tổng	10.581.429	95.232.860	105.814.289

Như vậy, tính đến ngày 09/9/2024 thì ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 nợ Công ty Cổ phần M1 **90%** số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên là: Nợ gốc: 4.574.903.448 đồng; Nợ lãi trong hạn: 83.171.840 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.272.829.411 đồng; Lãi phạt chậm trả: 12.770.327 đồng. **Tổng cộng: 5.943.675.026 đồng.** Nợ Ngân hàng TMCP V (V1) **10%** số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên là: Nợ gốc: 508.322.605 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.241.316 đồng; Nợ lãi quá hạn: 141.425.490 đồng; Lãi phạt chậm trả: 1.418.925 đồng. **Tổng cộng: 660.408.336 đồng.**

2.3. Buộc ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần M1 **90%** số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng tạm tính đến ngày 09/9/2024 là Nợ gốc: 4.574.903.448 đồng; Nợ lãi trong hạn: 83.171.840 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.272.829.411 đồng; Lãi phạt chậm trả: 12.770.327 đồng. **Tổng cộng: 5.943.675.026đ (Năm tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn không trăm hai mươi sáu đồng)** và Ngân hàng TMCP V (V1) **10%** số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền lãi chậm trả lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng nêu trên tạm tính đến ngày 09/9/2024 là: Nợ gốc: 508.322.605 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.241.316 đồng; Nợ lãi quá hạn: 141.425.490 đồng; Lãi phạt chậm trả: 1.418.925 đồng. **Tổng cộng: 660.408.336đ (Sáu trăm sáu mươi triệu bốn trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng).**

Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 kết trả số tiền Nợ gốc: 5.083.226.053 đồng; Nợ lãi trong hạn: 92.413.156 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.414.255.351 đồng; Lãi phạt chậm trả: 14.189.252 đồng. **Tổng cộng: 6.604.083.362đ (Bằng chữ: Sáu tỷ sáu trăm linh bốn triệu không trăm tám**

mười ba nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng) làm 02 kỳ theo lịch trả nợ cụ thể như sau:

+ Kỳ 1: Ngày 15/10/2024, thanh toán số tiền 2.000.000.000đ (*Hai tỷ đồng*);

+ Kỳ 2: Ngày 15/01/2025, thanh toán số tiền 4.604.083.362đ (*Bốn tỷ sáu trăm linh bốn triệu không trăm tám mươi ba nghìn ba trăm sáu mươi hai đồng*);

Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 thông nhất sau khi được ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 thanh toán nợ theo lịch trả nợ trên thì hai bên sẽ tự thỏa thuận và thanh toán cho nhau theo tỷ lệ mua bán tại Hợp đồng Mua bán nợ số 07/2024/VPB-JUPITER và Phụ lục 01 đính kèm ngày 30/6/2024.

- Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 10/9/2024 cho đến khi ông NGIEFIELD "Tên_KH" Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng và kế ước nhận nợ đã ký.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 thì Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1 được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm là:

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu FORD EVEREST, số khung MNCAXXMAWAKL08985, số máy YNWQAL08985 theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-038.xx do Phòng C công an thành phố H cấp ngày 04/11/2022 mang tên ông Nguyễn Văn N;

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ, số khung RLMUG6GX3KV002464, số máy 27682431014534 theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-048.xx do Phòng C công an thành phố H cấp ngày 21/07/2022 mang tên ông Nguyễn Văn N.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu NISSAN XTRAIL, số khung RN3JBNT32KDV04820, số máy QR25415582M theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30F-918.xx do Phòng C công an thành phố H cấp ngày 20/12/2021 mang tên ông Nguyễn Văn N.

+ 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA CAMRY, số khung MR2BF3HK304005869, số máy 2AR2242266 theo Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 30H-885.xx do Phòng C công an thành phố H cấp ngày 13/07/2022 mang tên ông Nguyễn Văn N.

Các tài sản này được thế chấp tại Ngân hàng TMCP V theo các hợp đồng thế chấp số LN2211027301441 ký ngày 04/11/2022, tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được đăng ký thế chấp theo đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 15/07/2022 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng; Hợp đồng thế chấp số LN2207116195313 ngày 15 tháng 7 năm 2022, tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được đăng ký thế chấp theo đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 15/07/2022 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng; Hợp đồng thế chấp số LN2207186255337 ngày 22 tháng 7 năm 2022, tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được đăng ký thế

chấp theo đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 22/07/2022 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng và Hợp đồng thế chấp số LN2112144890308 ký ngày 21/12/2021, tài sản bảo đảm cho khoản vay đã được đăng ký thế chấp theo đơn yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm, hợp đồng ngày 21/12/2021 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1. Trường hợp nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản đảm bảo không đủ để thanh toán hết nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với Hợp đồng cho vay số LN2203115352814 ngày 16/3/2022 và yêu cầu giải chấp 01 tài sản đảm bảo là xe ô tô nhãn hiệu MERCEDES BENZ C300 và Hợp đồng thế tín dụng số 113-P-6436638 ngày 09/6/2022;

Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án trong trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự;

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn N, bà Nguyễn Thị Kiều T3 toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là **56.302.000đ** (Năm mươi sáu triệu ba trăm linh hai nghìn đồng). Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền **57.069.259đ** (Năm mươi bảy triệu không trăm sáu mươi chín nghìn hai trăm năm mươi chín đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000389 ngày 01/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- VKSND Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thụ